

Số: 28 /NQ-HĐND

Bến Tre, ngày 29 tháng 10 năm 2024

**NGHỊ QUYẾT**  
**Thông qua Đề án kiện toàn tổ chức và hoạt động**  
**của Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh Bến Tre**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE**  
**KHÓA X - KỲ HỌP THỨ 15**  
**(KỲ HỌP ĐỀ GIẢI QUYẾT CÔNG VIỆC PHÁT SINH ĐỘT XUẤT)**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Nghị định số 37/2023/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ về thành lập, tổ chức và hoạt động của Quỹ Hỗ trợ nông dân;*

*Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;*

*Căn cứ Quyết định số 516/QĐ-TTg ngày 01 tháng 4 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc tiếp tục thực hiện Quyết định số 673/QĐ-TTg ngày 10 tháng 5 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ;*

*Xét Tờ trình số 6754/TTr-UBND ngày 10 tháng 10 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre về việc ban hành Nghị quyết thông qua Đề án kiện toàn tổ chức và hoạt động của Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh Bến Tre; Báo cáo thẩm tra của Ban kinh tế - ngân sách và Ban pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Thống nhất thông qua Đề án kiện toàn tổ chức và hoạt động của Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh Bến Tre (sau đây gọi tắt là Đề án).

(Có Đề án kèm theo).

**Điều 2. Tổ chức thực hiện**

1. Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bến Tre khóa X, kỳ họp thứ 15 (kỳ họp để giải quyết công việc phát sinh đột xuất) thông qua ngày 29 tháng 10 năm 2024 và có hiệu lực kể từ ngày Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua./.

**CHỦ TỊCH**

**Hồ Thị Hoàng Yến**

## ĐỀ ÁN

**Kiến toàn tổ chức và hoạt động của Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh Bến Tre**  
(Kèm theo Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 29 tháng 10 năm 2024  
của Hội đồng nhân dân tỉnh Bến Tre)

### PHẦN I

## SỰ CẦN THIẾT KIẾN TOÀN TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ HỖ TRỢ NÔNG DÂN TỈNH BẾN TRE

### I. CƠ SỞ PHÁP LÝ, THỰC TIỄN BAN HÀNH ĐỀ ÁN

#### 1. Cơ sở pháp lý

a) Công văn số 4035/KTTH ngày 26 tháng 7 năm 1995 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Quỹ Hỗ trợ nông dân của Hội Nông dân Việt Nam;

b) Quyết định số 673/QĐ-TTg ngày 10 tháng 5 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc Hội Nông dân Việt Nam trực tiếp thực hiện và phối hợp thực hiện một số chương trình, đề án phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội nông thôn giai đoạn 2011-2020;

c) Kết luận số 61-KL/TW ngày 03 tháng 12 năm 2020 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về Đề án “Nâng cao vai trò, trách nhiệm của Hội Nông dân Việt Nam trong phát triển nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới và xây dựng giai cấp nông dân Việt Nam giai đoạn 2010 - 2020”;

d) Quyết định số 516/QĐ-TTg ngày 01 tháng 4 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc tiếp tục thực hiện Quyết định số 673/QĐ-TTg ngày 10 tháng 5 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ;

đ) Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XIII) về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

e) Nghị định số 37/2023/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ về thành lập, tổ chức và hoạt động Quỹ Hỗ trợ nông dân;

g) Công văn số 9443/BTC-TCNH ngày 06 tháng 9 năm 2023 của Bộ Tài chính về việc triển khai thực hiện Nghị định số 37/2023/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ;

h) Kế hoạch số 662-KH/HNDDTW ngày 22 tháng 8 năm 2023 của Ban Thường vụ Hội Nông dân Việt Nam về việc tổ chức triển khai thực hiện Nghị định số 37/2023/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ về thành lập, tổ chức và hoạt động Quỹ Hỗ trợ nông dân;

i) Công văn số 1188-CV/TU ngày 27 tháng 9 năm 2021 của Tỉnh ủy về việc thực hiện Kết luận số 61-KL/TW của Ban Bí thư khóa X;

k) Quyết định số 755/QĐ-UBND ngày 18 tháng 4 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc thành lập Quỹ hỗ trợ nông dân tỉnh;

h) Công văn số 5932/UBND-KGVX ngày 29 tháng 9 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc thực hiện Kết luận số 61-KL/TW của Ban Bí thư khoá X;

i) Công văn số 3986/UBND-KT ngày 05 tháng 7 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc triển khai Nghị định số 37/2023/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ.

## **2. Cơ sở thực tiễn**

Ngày 13 tháng 5 năm 1996, Ban Bí thư Trung ương Đảng ban hành văn bản số 320-CV/TW về việc yêu cầu các cấp ủy và tổ chức đảng các cấp chỉ đạo giúp đỡ, tạo điều kiện cho Hội Nông dân các cấp xây dựng Quỹ Hỗ trợ nông dân và hoạt động có hiệu quả theo đúng điều lệ của Quỹ, pháp luật của Nhà nước; ngày 02 tháng 3 năm 1996 Trung ương Hội Nông dân Việt Nam ban hành Quyết định số 80/QĐ-HND về việc thành lập “Quỹ Hỗ trợ nông dân”. Cụ thể hóa sự chỉ đạo của Ban Bí thư Trung ương Đảng, Trung ương Hội Nông dân Việt Nam; ngày 18 tháng 4 năm 2014, Quỹ hỗ trợ nông dân tỉnh chính thức được thành lập theo Quyết định số 755/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc thành lập Quỹ hỗ trợ nông dân tỉnh.

Ngay sau khi được thành lập, Ban Thường vụ Hội Nông dân tỉnh đã ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ hỗ trợ nông dân; thành lập Ban Điều hành, Ban Kiểm soát. Ban Thường vụ Hội Nông dân tỉnh đã tham mưu, đề xuất Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành các văn bản chỉ đạo chính quyền hỗ trợ, tạo điều kiện nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động Quỹ hỗ trợ nông dân các cấp. Đảng đoàn Hội Nông dân tỉnh đã có buổi trao đổi với Ban Thường vụ các huyện, thành ủy về công tác phối hợp trong lãnh đạo, chỉ đạo công tác Hội và phong trào nông dân, trong đó có nội dung lãnh đạo, chỉ đạo việc xây dựng và quản lý, sử dụng Quỹ hỗ trợ nông dân theo Quyết định số 673/QĐ-TTg ngày 10 tháng 5 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc Hội Nông dân Việt Nam trực tiếp thực hiện và phối hợp thực hiện một số chương trình, đề án phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội nông thôn giai đoạn 2011-2020.

Trải qua thời gian hình thành và phát triển, hoạt động quản lý, sử dụng Quỹ Hỗ trợ nông dân đã có những bước phát triển mạnh mẽ, được Trung ương, Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh, các cấp, các ngành ghi nhận, đánh giá cao. Quỹ Hỗ trợ nông dân đã trực tiếp đồng hành, hỗ trợ vốn cho nông dân phát triển sản xuất, kinh doanh, tạo việc làm, nâng cao thu nhập, cải thiện đời sống góp phần xây dựng nông thôn mới, xây dựng giai cấp nông dân vững mạnh. Đến nay, Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh đã xây dựng được ở cả 02 cấp tỉnh, huyện; tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2023 tổng nguồn vốn Quỹ Hỗ trợ nông đạt 46.076,574 triệu đồng, trong đó:

- Vốn Trung ương uỷ thác: 11.212,500 triệu đồng.
- Vốn cấp tỉnh: 9.300 triệu đồng.
- Vốn cấp huyện: 25.564,074 triệu đồng (trong đó ngân sách cấp là 5.410 triệu đồng, xã vận động: 20.154,074 triệu đồng).

Từ nguồn vốn Quỹ hỗ trợ nông dân đã xây dựng trên 200 mô hình sản xuất có hiệu quả, hỗ trợ 21.600 lượt hộ nông dân vay, giúp nông dân khai thác tiềm năng, thế mạnh của từng địa phương, tạo ra các sản phẩm hàng hóa nông sản có chất lượng cao. Nguồn vốn được hỗ trợ đúng đối tượng, sử dụng đúng mục đích và đạt hiệu quả kinh tế cao, đã mang lại hiệu quả thiết thực, hỗ trợ cho nhiều hội viên nông dân có thêm vốn để phát triển sản xuất, kinh doanh, giải quyết việc làm, gia tăng thu nhập, đời sống vật chất, tinh thần của nông dân được nâng lên rõ rệt. Các hộ tham gia dự án với sự dẫn dắt của hội viên nông dân đầu tàu đã tích cực liên kết cùng nhau sản xuất, kinh doanh qua các hình thức liên kết đa dạng như cùng mua vật tư đầu vào để giảm chi phí; chia sẻ kiến thức, tiến bộ khoa học kỹ thuật, công nghệ mới vào sản xuất, kinh doanh; liên kết quảng bá quy trình sản xuất, chất lượng nông sản; tìm thị trường tiêu thụ sản phẩm... Từ đó, giúp các hộ vay có cơ hội học tập, trao đổi kinh nghiệm trong sản xuất, kinh doanh; nhiều hộ vay thay đổi nhận thức, tư duy, biết tính toán tổ chức sản xuất nông nghiệp có hiệu quả. Những năm qua, Quỹ Hỗ trợ nông dân đã giúp trên 5.000 lượt hộ khó khăn về cây, con giống, vốn sản xuất, vật tư nông nghiệp, ngày công lao động... giải quyết việc làm cho trên 10.000 lao động; hàng năm thành lập mới từ 30 đến 40 tổ hợp tác. Đến năm 2023, toàn tỉnh có 1.077 tổ hợp tác với 22.607 thành viên; 143 hợp tác xã với 21.115 thành viên đã góp phần tác động tích cực vào một số tiêu chí xây dựng nông thôn mới ở địa phương.

Bên cạnh đó, nguồn vốn Quỹ Hỗ trợ nông dân đã góp phần giúp các cấp Hội Nông dân đẩy mạnh thông tin, tuyên truyền chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước về phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn; góp phần vào thành công của các phong trào thi đua và các cuộc vận động do Hội Nông dân phát động, trong đó lan tỏa lớn nhất là phong trào “Nông dân thi đua sản xuất kinh doanh giỏi, đoàn kết giúp nhau làm giàu và giảm nghèo bền vững”. Phong trào đã trở thành điểm sáng trong đời sống kinh tế - xã hội ở nông thôn; nhiều mô hình kinh tế tập thể trong sản xuất, chế biến, tiêu thụ sản phẩm theo chuỗi giá trị mang lại hiệu quả kinh tế cao và nhiều tấm gương hội viên nông dân điển hình, mạnh dạn ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, công nghệ vào sản xuất, kinh doanh xuất hiện. Thông qua hoạt động Quỹ Hỗ trợ nông dân đã góp phần nâng cao vai trò, vị thế, năng lực làm chủ, cải thiện toàn diện đời sống vật chất, tinh thần của nông dân và cư dân nông dân trong thực hiện hiệu quả các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về nông nghiệp, nông dân, nông thôn mà cụ thể là Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 05 tháng 8 năm 2008, Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

## **II. SỰ CẦN THIẾT VÀ TÍNH KHẢ THI CỦA VIỆC TIẾP TỤC TRIỂN KHAI HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ HỖ TRỢ NÔNG DÂN**

Đảng ta xác định nông nghiệp, nông dân, nông thôn có vị trí, vai trò to lớn trong sự nghiệp đấu tranh giành độc lập dân tộc, bảo vệ Tổ quốc cũng như trong thời kỳ đổi mới và phát triển kinh tế của đất nước. Phát triển nông nghiệp, nông thôn, không ngừng nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nông dân là nhiệm vụ chiến lược và là cơ sở đảm bảo ổn định kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội của đất nước. Sau 38 năm thực hiện công cuộc đổi mới, kinh tế nông nghiệp, nông thôn nước ta nói chung, tỉnh

Bến Tre nói riêng đã đạt được những thành tựu quan trọng, làm tiền đề vững chắc để tiến hành sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước... Bên cạnh những thành tựu đạt được, nông nghiệp phát triển còn thiếu bền vững, tốc độ tăng trưởng có xu hướng giảm, tổ chức sản xuất kinh doanh chủ yếu vẫn dựa vào nông hộ nhỏ, thiếu liên kết... Nguyên nhân là: do nhận thức về vị trí, vai trò của nông nghiệp, nông dân, nông thôn chưa thật đầy đủ, đúng mức; một số cơ chế, chính sách chậm ban hành, chưa sát thực tiễn, thiếu nguồn lực thực hiện, nhất là về nguồn vốn đầu tư cho phát triển nông nghiệp chưa theo kịp so với nhu cầu phát triển. Thực tế hiện nay, nhu cầu nông dân cần được hỗ trợ vốn thông qua nguồn Quỹ Hỗ trợ nông dân rất lớn, nhằm giúp hội viên nông dân đầu tư các mô hình phát triển kinh tế, trong khi nguồn Quỹ hỗ trợ nông dân tỉnh Bến Tre còn rất khiêm tốn (*nguồn ngân sách tỉnh cấp đến nay chỉ có 9 tỷ*), chưa đáp ứng được nhu cầu của nông dân, nhất là đối với các mô hình tổ hợp tác, hợp tác xã và chi, tổ hội nghề nghiệp sản xuất có hiệu quả do Hội hướng dẫn thành lập. Đến nay, tỷ lệ các tổ hợp tác, chi, tổ hội nghề nghiệp được hỗ trợ vốn mới chỉ đạt khoảng 35% so với nhu cầu.

Qua hơn 27 năm hình thành và phát triển, nguồn vốn Quỹ Hỗ trợ nông dân đã giúp cho hàng nghìn lượt hộ nông dân vay phát triển kinh tế, nhiều hộ đã trở lên khá, giàu; giải quyết việc làm cho hàng ngàn lao động ở nông thôn. Thông qua hoạt động Quỹ Hỗ trợ nông dân, hằng năm thu hút nông dân tham gia tổ chức Hội vượt 10% so với chỉ tiêu giao. Số hộ đạt danh hiệu sản xuất, kinh doanh giỏi tăng 10% so với kế hoạch góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế, xây dựng nông thôn mới, ổn định chính trị, an ninh trật tự ở nông thôn; năng lực chuyên môn, nghiệp vụ đội ngũ cán bộ Hội các cấp được nâng lên rõ rệt. Mặc dù nguồn vốn Quỹ Hỗ trợ nông dân hoạt động đạt nhiều kết quả. Tuy nhiên, hiện tại mới chỉ đáp ứng được phần rất nhỏ về vốn của hội viên nông dân, tốc độ tăng trưởng vốn còn chậm, quy mô vốn của nhiều huyện còn quá nhỏ, các mô hình phát triển kinh tế hộ xuất phát từ nguồn vốn vay Quỹ hỗ trợ nông dân còn nhỏ, quy mô của mô hình mỗi xã chỉ từ 10 - 15 hộ, nguồn vốn cho mỗi hộ vay chỉ từ 20 triệu đồng đến 50 triệu đồng, với nguồn vốn còn hạn chế như vậy chỉ đủ giúp hộ vay bổ sung thêm một phần đầu vào, mức độ ảnh hưởng chưa rộng, chưa lồng ghép để phát huy được với các dự án khác trong việc tham gia thực hiện các chương trình kinh tế nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới.

Đối với tỉnh Bến Tre có nền sản xuất nông nghiệp rất phong phú và đa dạng với hơn 80% diện tích sản xuất nông nghiệp, chủ yếu là trồng trọt, chăn nuôi và thủy sản, được phân bố trên 3 vùng sinh thái ngọt, lợ và mặn; nông nghiệp, nông dân, nông thôn có vị trí chiến lược trong nền kinh tế của tỉnh. Nhằm tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 07-NQ/TU ngày 29 tháng 01 năm 2021 của Tỉnh ủy về xây dựng vùng sản xuất tập trung, gắn phát triển chuỗi giá trị nhóm sản phẩm nông nghiệp chủ lực của tỉnh Bến Tre, giai đoạn 2020 - 2025 và định hướng đến năm 2030. Để hoạt động Quỹ Hỗ trợ nông dân đáp ứng được nhu cầu ngày càng tăng về vốn đầu tư phát triển nông nghiệp gắn với chuỗi giá trị trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm cần phải có sự đầu tư của Nhà nước trong đó có đầu tư cho Quỹ Hỗ trợ nông dân của Hội Nông dân tỉnh Bến Tre, đây là những điều kiện để tổ chức Hội tập hợp hội viên và tuyên truyền

các chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước và của tổ chức Hội đến với hội viên nói riêng và người nông dân nói chung.

Nghị định số 37/2023/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ được ban hành là cơ sở pháp lý, bước chuyển mới, giúp nâng tầm hoạt động của hệ thống Quỹ Hỗ trợ nông dân hoạt động hiệu quả, minh bạch và chuyên nghiệp hơn, từng bước tiếp cận dần với các nguyên tắc hoạt động tín dụng chung của thị trường, đồng bộ với các Quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách khác. Từ đó, để hoạt động của Quỹ Hỗ trợ nông dân ngày càng phát huy hiệu quả và hoạt động theo đúng các quy định pháp luật, xoá dần tình trạng tín dụng đen trong hội viên, việc kiện toàn tổ chức bộ máy, hoạt động của Quỹ Hỗ trợ nông dân là một điều tất yếu trong quá trình phát triển, là cơ sở pháp lý quan trọng để Quỹ Hỗ trợ nông dân hoạt động và phát triển trong giai đoạn mới.

Xuất phát từ cơ sở pháp lý và thực tiễn trên, Hội Nông dân tỉnh Bến Tre xây dựng Đề án “*Kiến toàn tổ chức và hoạt động của Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh Bến Tre*” vừa là mục tiêu vừa là nhiệm vụ, điều kiện cần thiết để phát huy vai trò, trách nhiệm của Hội Nông dân trong phát triển nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới, xây dựng giai cấp nông dân, góp phần cùng cả nước nói chung, tỉnh Bến Tre nói riêng thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng; Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XIII) về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Nghị quyết Đảng bộ tỉnh Bến Tre lần thứ XI, nhiệm kỳ 2020 -2025 và Nghị quyết Đại hội đại biểu Hội Nông dân các cấp nhiệm kỳ 2023 - 2028.

## **PHẦN II NỘI DUNG ĐỀ ÁN**

### **I. TÊN GỌI, ĐỊA VỊ PHÁP LÝ CỦA QUỸ HỖ TRỢ NÔNG DÂN**

#### **1. Tên gọi và địa điểm trụ sở chính**

- a) Tên gọi đầy đủ: **Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh Bến Tre.**
- b) Tên viết tắt: **Quỹ HTND.**
- c) Địa chỉ trụ sở: số 58, đường 3/2, phường An Hội, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

#### **2. Địa vị pháp lý, tư cách pháp nhân và người đại diện pháp luật**

a) Quỹ HTND tính là Quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách, trực thuộc Hội Nông dân tỉnh Bến Tre; hoạt động không vì mục tiêu lợi nhuận, bảo toàn và phát triển vốn; thực hiện chức năng, nhiệm vụ theo quy định của Nghị định số 37/2023/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ về việc thành lập, tổ chức và hoạt động Quỹ HTND.

b) Quỹ HTND có tư cách pháp nhân, có vốn điều lệ, có con dấu, được mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ngân hàng chính sách xã hội chi nhánh tỉnh Bến Tre.

c) Quỹ HTND thực hiện nghĩa vụ với Ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật về thuế và các quy định khác có liên quan.

## **II. NGUYÊN TẮC, MỤC TIÊU VÀ PHẠM VI HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ HỖ TRỢ NÔNG DÂN**

### **1. Nguyên tắc hoạt động**

a) Tự chủ về tài chính, không vì mục tiêu lợi nhuận, công khai, minh bạch, bảo toàn và phát triển vốn;

b) Chịu trách nhiệm hữu hạn trong phạm vi nguồn vốn chủ sở hữu của Quỹ HTND;

c) Thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ được giao theo quy định của pháp luật.

### **2. Mục tiêu hoạt động**

a) Hỗ trợ hội viên Hội nông dân xây dựng, nhân rộng mô hình sản xuất, kinh doanh có hiệu quả, góp phần tăng thu nhập, nâng cao đời sống cho nông dân;

b) Tạo nguồn lực, điều kiện, công cụ để đoàn kết, tập hợp nông dân vào tổ chức hội, góp phần xây dựng hội và phong trào nông dân.

### **3. Phạm vi hoạt động**

Quỹ HTND tỉnh Bến Tre thực hiện các chức năng, nhiệm vụ được giao theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 4 Nghị định số 37/2023/NĐ-CP và Điều lệ Quỹ Hỗ trợ nông dân.

## **III. CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ, TRÁCH NHIỆM, QUYỀN HẠN CỦA QUỸ HỖ TRỢ NÔNG DÂN**

### **1. Chức năng, nhiệm vụ**

a) Tham mưu cho Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Hội Nông dân tỉnh Bến Tre về xây dựng, quản lý, phát triển Quỹ HTND toàn hệ thống; các cơ chế, chính sách, chương trình phối hợp với các tổ chức tín dụng, tài chính, kinh tế hỗ trợ vốn giúp hội viên, nông dân xây dựng và nhân rộng các mô hình phát triển sản xuất kinh doanh. Hướng dẫn, kiểm tra, giám sát công tác quản lý, điều hành Quỹ HTND các cấp và thực hiện các chương trình phối hợp về hỗ trợ vốn cho nông dân;

b) Tiếp nhận và quản lý nguồn vốn điều lệ được cấp từ ngân sách nhà nước theo quy định tại Nghị định số 37/2023/NĐ-CP và quy định pháp luật khác có liên quan;

c) Vận động các nguồn ủng hộ, tài trợ, viện trợ không hoàn lại cho hoạt động của Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh Bến Tre;

d) Cho vay vốn đối với hội viên Hội Nông dân trong tỉnh để xây dựng và nhân rộng các mô hình sản xuất, kinh doanh.

đ) Nhận ủy thác cho vay của Trung ương Hội, các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật.



e) Ủy thác cho Quỹ HTND cấp dưới thực hiện nhiệm vụ cho vay theo Nghị định số 37/2023/NĐ-CP và pháp luật có liên quan.

h) Thực hiện các nhiệm vụ khác khi được Ban Thường vụ, Thường trực Hội Nông dân tỉnh giao.

## **2. Trách nhiệm, quyền hạn**

### **2.1. Trách nhiệm của Quỹ Hỗ trợ nông dân**

a) Tuân thủ các quy định tại Nghị định số 37/2023/NĐ-CP và các quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Quỹ Hỗ trợ nông dân;

b) Thực hiện các quy định về lập, chấp hành, quyết toán, kiểm toán ngân sách nhà nước đối với phần vốn ngân sách nhà nước tại Quỹ Hỗ trợ nông dân;

c) Chịu sự thanh tra, kiểm tra, kiểm toán của các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền; cung cấp số liệu, công bố công khai về tình hình tài chính theo quy định tại Nghị định số 37/2023/NĐ-CP và pháp luật có liên quan.

### **2.2. Quyền hạn của Quỹ Hỗ trợ nông dân**

a) Tổ chức hoạt động phù hợp với mục tiêu, phạm vi hoạt động của Quỹ Hỗ trợ nông dân;

b) Được lựa chọn các phương án vay vốn đáp ứng đủ điều kiện để cho vay theo quy định tại Nghị định số 37/2023/NĐ-CP;

c) Được tuyển chọn, bố trí, đào tạo và sử dụng lao động theo quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ HTND và các quy định của pháp luật có liên quan;

d) Được từ chối yêu cầu cung cấp thông tin hoặc sử dụng nguồn lực của Quỹ HTND nếu yêu cầu đó trái với quy định của pháp luật và trái với Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ HTND;

đ) Được liên hệ, phối hợp với các cơ quan chức năng, các đơn vị, cá nhân có liên quan để vận động nguồn vốn hợp pháp tài trợ cho hoạt động của Quỹ HTND.

## **IV. CƠ CẤU TỔ CHỨC BỘ MÁY VÀ NHÂN SỰ CỦA QUỸ HTND**

- Hội đồng quản lý Quỹ HTND;

- Ban Kiểm soát Quỹ HTND;

- Ban điều hành Quỹ HTND gồm: Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng và bộ máy giúp việc.

### **1. Hội đồng quản lý Quỹ HTND**

a) Số lượng Hội đồng Quản lý Quỹ Hỗ trợ nông dân là 05 thành viên gồm: Chủ tịch Hội đồng Quản lý Quỹ Hỗ trợ nông dân; Giám đốc quản lý Quỹ Hỗ trợ nông dân; các thành viên còn lại do Ban Thường vụ Hội Nông dân phối hợp với Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, bổ nhiệm.

b) Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ HTND là Phó Chủ tịch Hội Nông dân tỉnh Bến Tre.

c) Một thành viên Hội đồng quản lý là Giám đốc Quỹ HTND cấp tỉnh.

d) Các thành viên còn lại của Hội đồng quản lý do Ban Thường vụ HND tỉnh bổ nhiệm; một thành viên đại diện của Sở Tài chính (đã được Ủy ban nhân dân tỉnh giới thiệu).

đ) Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản lý Quỹ không quá 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại nhưng không quá 02 nhiệm kỳ.

e) Ban Thường vụ Hội Nông dân tỉnh Bến Tre quyết định việc quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật đối với thành viên Hội đồng quản lý Quỹ HTND cùng cấp là cán bộ của Hội nông dân. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định việc bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm, điều động, khen thưởng, kỷ luật đối với thành viên Hội đồng quản lý Quỹ HTND là đại diện sở, ngành cấp tỉnh.

### **1.1. Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng quản lý Quỹ**

Tiếp nhận, quản lý và sử dụng vốn của Quỹ HTND theo đúng quy định của pháp luật và Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ HTND; chịu trách nhiệm trước Ban Thường vụ Hội Nông dân tỉnh về thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao.

Xây dựng kế hoạch hoạt động, kế hoạch tài chính hàng năm, trung hạn và dài hạn của Quỹ HTND, trình Ban Thường vụ Hội Nông dân tỉnh phê duyệt.

Ban hành hoặc sửa đổi quy chế hoạt động nghiệp vụ và các quy chế nội bộ khác theo quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ HTND.

Giám sát, kiểm tra Ban điều hành của Quỹ HTND trong việc chấp hành các chính sách pháp luật và việc thực hiện các quyết định của Hội đồng quản lý.

Quyết định mức lãi suất cho vay của Quỹ HTND trong từng thời kỳ theo quy định tại Điều 16 Nghị định số 37/2023/NĐ-CP.

Phê duyệt cho vay, quyết định phương án vận động vốn và xử lý rủi ro thuộc thẩm quyền.

Thông qua báo cáo tài chính, phân phối chênh lệch thu chi, trích lập các quỹ hằng năm của Quỹ HTND sau khi có ý kiến thẩm định của Ban Kiểm soát để trình Ban Thường vụ Hội Nông dân tỉnh phê duyệt.

Trình Ban Thường vụ Hội Nông dân tỉnh quyết định ban hành sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ HTND.

Trình Ban Thường vụ Hội Nông dân tỉnh phê duyệt phương án bố trí nhân sự để thành lập bộ máy hoạt động của Quỹ HTND.

Ban hành hoặc sửa đổi Quy chế hoạt động, phân công nhiệm vụ đối với các thành viên của Hội đồng quản lý Quỹ HTND.

Các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ HTND.

### **1.2. Chủ tịch Hội đồng quản lý**

#### **1.2.1. Nhiệm vụ, quyền hạn**

Tổ chức thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng quản lý Quỹ Hỗ trợ nông dân; phân công nhiệm vụ cho các thành viên để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng quản lý Quỹ HTND theo quy chế hoạt động của Hội đồng quản lý Quỹ HTND; chịu trách nhiệm trước Ban Thường vụ Hội nông dân cùng cấp, Hội đồng quản lý Quỹ HTND về thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao;

Chỉ đạo chuẩn bị chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản lý Quỹ HTND; chương trình, nội dung và tài liệu họp Hội đồng quản lý Quỹ HTND; việc lấy ý kiến các thành viên Hội đồng quản lý về nội dung liên quan đến hoạt động của Quỹ HTND;

Triệu tập và chủ trì các cuộc họp Hội đồng quản lý Quỹ HTND;

Chỉ đạo giám sát việc thực hiện các quyết định của Hội đồng quản lý Quỹ HTND và hoạt động của Quỹ HTND;

Ký, ban hành các văn bản thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản lý Quỹ HTND, Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ HTND.

### **1.2.2. Tiêu chuẩn đối với Chủ tịch Hội đồng quản lý**

Là công dân Việt Nam, thường trú tại Việt Nam, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự;

Có trình độ đại học trở lên, có kinh nghiệm ít nhất 03 năm giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý về một trong các lĩnh vực: kinh tế; tài chính; ngân hàng; nông nghiệp và phát triển nông thôn; quản trị kinh doanh; luật; kế toán; kiểm toán;

Không phải là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh chị em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của người quản lý Quỹ HTND;

Các tiêu chuẩn và điều kiện khác theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ.

### **1.3. Các thành viên khác của Hội đồng quản lý**

Các thành viên khác của Hội đồng quản lý Quỹ HTND có trình độ đại học trở lên, có kinh nghiệm quản lý một trong các lĩnh vực kinh tế, tài chính, ngân hàng, quản trị kinh doanh, luật, kế toán, kiểm toán.

Tiêu chuẩn, điều kiện cụ thể đối với thành viên Hội đồng quản lý Quỹ HTND được quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ HTND.

## **2. Ban Kiểm soát Quỹ HTND**

**2.1.** Ban Kiểm soát Quỹ Hỗ trợ nông dân gồm 03 thành viên là cán bộ của Hội Nông dân tỉnh gồm Trưởng Ban kiểm soát và các thành viên, do Ban Thường vụ Hội Nông dân tỉnh Bến Tre bổ nhiệm.

Ban Kiểm soát Quỹ Hỗ trợ nông dân hoạt động theo chế độ kiêm nhiệm, giúp Ban Thường vụ Hội Nông dân tỉnh Bến Tre kiểm soát việc tổ chức, quản lý điều hành Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh Bến Tre.

Nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát Quỹ Hỗ trợ nông dân là 05 năm, có thể được bổ nhiệm lại nhưng tối đa không quá 02 nhiệm kỳ.

## **2.2. Nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Kiểm soát**

Kiểm tra, giám sát việc chấp hành các chính sách chế độ, Điều lệ tổ chức, hoạt động và các quy chế hoạt động, nhằm bảo đảm hiệu quả hoạt động và an toàn tài sản của Quỹ;

Kiểm tra, giám sát tính hợp pháp, trung thực, cẩn trọng của Hội đồng quản lý, Giám đốc Quỹ HTND trong việc quản lý, điều hành hoạt động của Quỹ HTND;

Thẩm định báo cáo hoạt động, báo cáo tài chính, kế hoạch tài chính và việc trích lập các quỹ theo quy định của pháp luật;

Lập kế hoạch hoạt động, báo cáo định kỳ hoặc đột xuất về công tác giám sát, kiểm tra; thực hiện nhiệm vụ khác do Ban Thường vụ Hội Nông dân tỉnh Bến Tre giao.

## **2.3. Tiêu chuẩn đối với thành viên của Ban Kiểm soát**

Là công dân Việt Nam, thường trú tại Việt Nam, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự;

Có trình độ đại học trở lên, có kinh nghiệm làm việc ít nhất 03 năm về một trong các lĩnh vực kế toán, kiểm toán, tài chính, ngân hàng, kinh tế, luật;

Các tiêu chuẩn và điều kiện khác theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ.

## **3. Ban Điều hành Quỹ Hỗ trợ nông dân**

**3.1.** Tổng số cán bộ, người lao động của Ban Điều hành Quỹ HTND tỉnh Bến Tre dự kiến là 05 đến 07 người gồm: Giám đốc, Phó giám đốc, Kế toán trưởng và bộ máy giúp việc do Ban Thường vụ Hội Nông dân tỉnh Bến Tre bổ nhiệm (thực hiện bố trí, sắp xếp đáp ứng yêu cầu công việc theo từng giai đoạn). Riêng đối với trường hợp cần thiết Quỹ HTND tuyển dụng dưới hình thức hợp đồng lao động.

### **3.2. Giám đốc Quỹ HTND**

Là người đại diện theo pháp luật của Quỹ HTND, chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản lý, Ban Thường vụ Hội Nông dân tỉnh Bến Tre và trước pháp luật về toàn bộ hoạt động của Quỹ HTND tỉnh Bến Tre.

#### **3.2.1. Tiêu chuẩn Giám đốc Quỹ HTND**

Là công dân Việt Nam, thường trú tại Việt Nam, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự.

Có trình độ đại học trở lên về một trong các chuyên ngành: kinh tế, tài chính, ngân hàng, nông nghiệp và phát triển nông thôn, quản trị kinh doanh, luật, kế toán, kiểm toán;

Có kinh nghiệm công tác tại Quỹ Hỗ trợ nông dân ít nhất 05 năm.

#### **3.2.2. Nhiệm vụ, quyền hạn của Giám đốc Quỹ HTND**

Tổ chức điều hành hoạt động của Quỹ HTND theo quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ HTND và các quyết định của Hội đồng quản lý, Ban Thường vụ Hội Nông dân tỉnh.

Trình Hội đồng quản lý ban hành các quy chế hoạt động nghiệp vụ của Quỹ HTND theo thẩm quyền.

Trực tiếp quản lý tài sản, nguồn vốn hoạt động và chịu trách nhiệm về các quyết định của mình trước Ban Thường vụ Hội Nông dân tỉnh Bến Tre và Hội đồng quản lý theo quy định của pháp luật và Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ HTND.

Phê duyệt cho vay, quyết định phương án vận động vốn và xử lý rủi ro thuộc thẩm quyền.

Quyết định tuyển dụng nhân sự dưới hình thức hợp đồng lao động để thực hiện các nhiệm vụ của Quỹ HTND.

Thực hiện các quyền hạn và nhiệm vụ khác theo yêu cầu của Hội đồng quản lý và quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ HTND.

### **3.3. Phó Giám đốc Quỹ HTND**

Số lượng: 01 người

Giúp Giám đốc điều hành hoạt động của Quỹ HTND theo phân công và ủy quyền; chịu trách nhiệm trước Giám đốc Ban Điều hành, Hội đồng quản lý, Ban Thường vụ Hội Nông dân tỉnh Bến Tre và trước pháp luật về nhiệm vụ được phân công và ủy quyền.

Có trình độ đại học trở lên về một trong các chuyên ngành: kinh tế, tài chính, ngân hàng, phát triển nông nghiệp nông thôn, quản trị kinh doanh, luật, kế toán, kiểm toán.

Tiêu chuẩn, điều kiện, thẩm quyền bổ nhiệm, nhiệm kỳ của Phó Giám đốc quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ Hỗ trợ nông dân.

### **3.4. Kế toán trưởng Quỹ HTND**

#### **3.4.1. Nhiệm vụ, quyền hạn của kế toán trưởng**

Có trách nhiệm tổ chức thực hiện công tác kế toán của Quỹ HTND, giúp Hội đồng quản lý và Giám đốc Ban Điều hành giám sát tài chính tại Quỹ HTND theo quy định của pháp luật về tài chính, kế toán.

Chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản lý, Giám đốc Ban Điều hành về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân công hoặc ủy quyền, thực hiện các chức năng và nhiệm vụ khác được quy định theo Luật Kế toán và các quy định hiện hành của pháp luật có liên quan.

#### **3.4.2. Tiêu chuẩn và điều kiện đối với Kế toán trưởng**

Đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định tại Luật Kế toán, các văn bản hướng dẫn, văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có).

Tiêu chuẩn, điều kiện cụ thể và thẩm quyền bổ nhiệm Kế toán trưởng quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ HTND.

### **3.5. Bộ máy giúp việc của Quỹ HTND**

a) Bộ máy giúp việc của Quỹ HTND gồm:

Các cán bộ của cơ quan Hội nông dân cùng cấp được phân công trực tiếp thực hiện các hoạt động nghiệp vụ của Quỹ HTND.

Bộ phận Tín dụng là người lao động được Quỹ HTND tuyển dụng dưới hình thức hợp đồng lao động.

b) Bộ máy giúp việc đảm nhiệm các công việc chuyên môn, nghiệp vụ; tham mưu, giúp việc cho Ban điều hành Quỹ Hỗ trợ nông dân.

## **V. NGUỒN VỐN HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ HỖ TRỢ NÔNG DÂN**

### **1. Vốn điều lệ của Quỹ**

a) Vốn điều lệ của Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh được cấp từ nguồn chi đầu tư phát triển của ngân sách tỉnh. Hội Nông dân tỉnh trình Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định mức vốn điều lệ của Quỹ Hỗ trợ nông dân từng thời kỳ sau khi có ý kiến thống nhất với Sở Tài chính và Sở Kế hoạch và Đầu tư.

b) Nguồn vốn hiện có của Quỹ HTND tỉnh Bến Tre tại thời điểm kiện toàn tổ chức bộ máy và đang hoạt động là 9.300 triệu đồng (Trong đó, ngân sách Ủy ban nhân dân tỉnh chuyển sang là 9.000 triệu đồng và nguồn bổ sung từ hoạt động là 300 triệu đồng).

c) Đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét cấp mới vốn điều lệ Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh theo Nghị định số 37/2023/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2023 (vốn điều lệ của Quỹ HTND tỉnh được cấp từ nguồn chi đầu tư phát triển của ngân sách địa phương) đến năm 2028.

Nguồn vốn ngân sách tỉnh cấp mới: 20.000 triệu đồng (*từ năm 2025 đến năm 2028, mỗi năm cấp 5.000 triệu đồng*).

Vốn tự bổ sung từ kết quả hoạt động đạt 280 triệu đồng.

**Nâng tổng nguồn vốn điều lệ đến năm 2028: 29.580 triệu đồng.**

Ngoài ra vốn Quỹ HTND tỉnh được huy động từ các nguồn sau:

Vận động nông dân, các hộ nông nghiệp, phi nông nghiệp, các doanh nghiệp, các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước ủng hộ.

Vốn tiếp nhận từ các khoản tài trợ, viện trợ không hoàn lại của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước (nếu có).

Vốn ủy thác của Nhà nước, của các tổ chức trong và ngoài nước tài trợ cho phát triển nông nghiệp, nông thôn (nếu có).

Vốn tự bổ sung từ kết quả hoạt động Quỹ HTND tỉnh Bến Tre hằng năm.

Các nguồn vốn hợp pháp khác theo quy định của pháp luật (nếu có).

### **2. Kế hoạch vốn và sử dụng vốn**

Đơn vị: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	KẾ HOẠCH			
		2025	2026	2027	2028
<b>A</b>	<b>Nguồn vốn</b>				
1	Vốn NS cấp	5.000	5.000	5.000	5.000
2	Vốn bổ sung từ KQ hoạt động	70	70	70	70
<b>B</b>	<b>Sử dụng vốn</b>				
	Số dự án	10	10	10	10
	Số hộ	100	100	100	100
	Trung bình số vốn/dự án	507	507	507	507

### 3. Kế hoạch tài chính

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	KẾ HOẠCH			
		2025	2026	2027	2028
<b>A</b>	<b>Thu nhập</b>	<b>1.699</b>	<b>2.119</b>	<b>2.538</b>	<b>2.958</b>
1	Thu lãi từ hoạt động cho vay vốn	1.690	2.110	2.530	2.950
2	Thu khác (lãi tiền gửi)	8	8	8	8
<b>B</b>	<b>Chi phí</b>	<b>1.699</b>	<b>2.119</b>	<b>2.538</b>	<b>2.958</b>
1	Chi phí hoạt động nghiệp vụ: Chi phí lãi và các phí tương tự	1.267	1.435	1.603	1.771
	Chi cho cán bộ nhân viên Quỹ: Chi tiền lương, phụ cấp cho cán bộ, người lao động; chi BHXH, BHYT, BHTN	110	125	130	150

2	Chi hoạt động quản lý và công vụ (công tác phí; điện nước, mua sắm vật tư thiết bị, văn phòng phẩm; cước phí bưu điện, điện thoại; hội nghị, hội thảo, tập huấn, đào tạo; công tác kiểm tra, kiểm soát, kiểm toán)	192	384	586	773
3	Chi dự phòng rủi ro	128	173	218	263

## **VI. HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ HỖ TRỢ NÔNG DÂN**

### **1. Hoạt động cho vay**

#### **1.1. Đối tượng và điều kiện cho vay**

1.1.1. Đối tượng vay vốn của Quỹ HTND tỉnh Bến Tre là hội viên Hội Nông dân có nhu cầu vay vốn để phát triển sản xuất, kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp.

#### **1.1.2. Điều kiện để được vay vốn của Quỹ HTND tỉnh Bến Tre**

a) Khách hàng vay vốn phải là hội viên Hội Nông dân tỉnh Bến Tre có nhu cầu vay vốn, có năng lực hành vi dân sự đầy đủ theo quy định của pháp luật.

b) Khách hàng vay vốn được Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận đang cư trú ở địa phương nơi Quỹ Hỗ trợ nông dân cho vay tại thời điểm đề xuất vay vốn từ Quỹ hỗ trợ nông dân.

c) Mục đích sử dụng vốn vay hợp pháp.

d) Phương án vay vốn của khách hàng phải được tập hợp thành phương án chung của nhóm hội viên Hội Nông dân cùng sản xuất, kinh doanh một loại hình sản phẩm, trên cùng một địa bàn cấp xã, ấp. Phương án vay vốn của từng khách hàng và phương án chung của nhóm hội viên Hội Nông dân được Quỹ HTND tỉnh Bến Tre đánh giá là khả thi, có khả năng trả được nợ vay.

đ) Tại một thời điểm, một khách hàng chỉ được vay vốn tại 01 (một) phương án chung của nhóm hội viên Hội Nông dân từ Quỹ HTND tỉnh Bến Tre.

e) Các thành viên trong cùng một hộ gia đình không được phát sinh dư nợ vay tại Quỹ HTND tỉnh Bến Tre trong cùng một thời điểm.

g) Các điều kiện cho vay khác quy định cụ thể tại quy định nội bộ về cho vay và quản lý nợ của Quỹ HTND tỉnh Bến Tre do Hội đồng quản lý Quỹ HTND tỉnh Bến Tre ban hành theo quy định.

h) Mức vốn cho vay: căn cứ vào phương án sử dụng vốn vay, khả năng tài



chính, khả năng hoàn trả vốn vay, bảo đảm tiền vay của khách hàng và giới hạn cho vay quy định tại Nghị định số 37/2023/NĐ-CP của Chính phủ và Điều lệ Quỹ HTND, Quỹ HTND tỉnh Bến Tre xem xét, quyết định mức vốn cho vay cụ thể cho từng khách hàng, phù hợp với khả năng nguồn vốn và năng lực tài chính của Quỹ HTND tỉnh Bến Tre.

## **2. Thời hạn cho vay**

a) Thời hạn cho vay đối với phương án của từng khách hàng và phương án chung của nhóm hội viên Hội Nông dân tại Quỹ HTND tỉnh Bến Tre được xác định trên cơ sở khả năng thu hồi vốn, phù hợp với chu kỳ sản xuất kinh doanh, khả năng trả nợ của khách hàng nhưng tối đa không vượt quá 05 năm (không bao gồm thời gian gia hạn nợ).

b) Thời gian cho vay cụ thể đối với phương án của từng khách hàng và phương án chung của nhóm hội viên Hội Nông dân do Quỹ HTND tỉnh Bến Tre xem xét, quyết định.

c) Tổng thời gian gia hạn nợ tối đa không quá 1/2 thời gian cho vay tại Hợp đồng tín dụng ký kết lần đầu.

## **3. Lãi suất cho vay và đồng tiền cho vay**

### **3.1. Lãi suất cho vay**

a) Lãi suất cho vay của Quỹ Hỗ trợ nông dân được xác định trong từng thời kỳ, theo nguyên tắc đảm bảo bù đắp đủ chi phí quản lý và các chi phí khác có liên quan đến hoạt động cho vay.

b) Căn cứ nguyên tắc xác định lãi suất cho vay quy định tại điểm a khoản này, Hội đồng quản lý quyết định mức lãi suất cho vay cụ thể của Quỹ Hỗ trợ nông dân trong từng thời kỳ.

c) Đối với phương án vay vốn sử dụng nguồn vốn nhận ủy thác có quy định về lãi suất cho vay khác với quy định tại Nghị định này thì thực hiện theo thỏa thuận đã ký kết với bên ủy thác.

### **3.2. Đồng tiền cho vay và thu nợ là đồng Việt Nam (VND).**

### **3.3. Hình thức cho vay tín chấp.**

## **4. Bảo đảm tiền vay**

Quỹ HTND và khách hàng vay vốn thỏa thuận biện pháp bảo đảm tiền vay phù hợp với quy định của pháp luật về biện pháp bảo đảm thực hiện nghĩa vụ và pháp luật khác có liên quan. Hội đồng quản lý Quỹ HTND quy định cụ thể về các hình thức bảo đảm tiền vay và thẩm quyền quyết định bảo đảm tiền vay tại quy định nội bộ về cho vay và quản lý nợ của Quỹ HTND.

## **5. Thẩm quyền quyết định cho vay**

Giám đốc Quỹ HTND quyết định cho vay đối với phương án chung của nhóm hội viên Hội nông dân có mức vốn vay không quá 15% vốn chủ sở hữu của Quỹ Hỗ

trợ nông dân ghi trên báo cáo tài chính năm hoặc báo cáo tài chính 06 tháng gần nhất được Hội đồng quản lý phê duyệt. Hội đồng quản lý quy định mức cho vay tối đa cụ thể phân cấp cho Giám đốc quyết định tại quy chế nội bộ về cho vay và quản lý nợ của Quỹ HTND.

Hội đồng quản lý Quỹ HTND quyết định cho vay đối với phương án chung của nhóm hội viên Hội nông dân có mức vốn vay vượt thẩm quyền quyết định của Giám đốc theo quy định tại khoản 1 Điều 18 Nghị định số 37/2023/NĐ-CP, đảm bảo đáp ứng quy định về giới hạn cho vay quy định tại Điều 19 Nghị định số 37/2023/NĐ-CP.

## **6. Giới hạn cho vay**

a) Dư nợ cho vay đối với một khách hàng không được vượt quá 10% vốn chủ sở hữu của Quỹ HTND ghi trên báo cáo tài chính năm hoặc báo cáo tài chính 06 tháng gần nhất được Hội đồng quản lý phê duyệt.

b) Dư nợ cho vay đối với một phương án chung của nhóm hội viên Hội nông dân không vượt quá 20% vốn chủ sở hữu của Quỹ HTND ghi trên báo cáo tài chính năm hoặc báo cáo tài chính 06 tháng gần nhất được Hội đồng quản lý phê duyệt.

c) Hội đồng quản lý Quỹ HTND trình Ban Thường vụ Hội nông dân cùng cấp quyết định giới hạn cho vay đối với từng khách hàng và phương án chung của nhóm hội viên Hội nông dân vượt giới hạn cho vay quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 19 Nghị định số 37/2023/NĐ-CP.

d) Đối với phương án vay vốn sử dụng nguồn vốn nhận ủy thác có quy định về giới hạn cho vay khác với quy định của Nghị định số 37/2023/NĐ-CP thì thực hiện theo thỏa thuận đã ký kết với bên ủy thác.

## **7. Cơ cấu lại thời hạn trả nợ**

Quỹ HTND tỉnh Bến Tre xem xét, quyết định cơ cấu lại thời hạn trả nợ (bao gồm biện pháp điều chỉnh kỳ hạn nợ và gia hạn nợ) trên cơ sở đề nghị của khách hàng, khả năng tài chính của Quỹ HTND tỉnh Bến Tre và kết quả đánh giá của Quỹ HTND tỉnh Bến Tre về khả năng trả nợ của khách hàng.

Nội dung và thẩm quyền quyết định cơ cấu lại thời hạn trả nợ theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ HTND và quy chế nội bộ về cho vay và quản lý nợ của Quỹ HTND tỉnh Bến Tre.

## **8. Phân loại nợ, trích lập, sử dụng dự phòng rủi ro cho vay**

Căn cứ quy định tại khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều 21 Nghị định số 37/2023/NĐ-CP, Quỹ HTND xây dựng quy chế xử lý rủi ro và trình Hội đồng quản lý Quỹ HTND ban hành sau khi có ý kiến chấp thuận của Ban Thường vụ Hội nông dân cùng cấp. Quy chế xử lý rủi ro bao gồm các nội dung cơ bản sau: nguyên tắc xử lý rủi ro; các trường hợp, biện pháp, thẩm quyền xử lý rủi ro; hồ sơ, trình tự thủ tục xử lý rủi ro, sử dụng dự phòng rủi ro, chế độ thông tin, báo cáo và trách nhiệm của các cơ quan liên quan trong xử lý rủi ro của Quỹ HTND.

## **9. Hội đồng xử lý rủi ro**

Hội đồng quản lý Quỹ HTND trình Ban Thường vụ Hội Nông dân tỉnh thành lập Hội đồng xử lý rủi ro. Thành phần Hội đồng xử lý rủi ro bao gồm:

Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ HTND tỉnh Bến Tre là Chủ tịch Hội đồng xử lý rủi ro;

Trưởng Ban kiểm soát, Giám đốc, Kế toán trưởng của Quỹ HTND.

Tối thiểu 02 thành viên khác do Ban Thường vụ Hội Nông dân tỉnh Bến Tre quyết định.

Nhiệm vụ của Hội đồng xử lý rủi ro: thực hiện theo khoản 2 Điều 22 Nghị định số 37/2023/NĐ-CP.

### **10. Hoạt động nhận ủy thác**

a) Quỹ HTND tỉnh được nhận ủy thác quản lý nguồn vốn cho vay và thu hồi nợ từ ngân sách nhà nước, từ các ngân hàng chính sách, từ Quỹ HTND Trung ương và từ các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước; nhận ủy thác quản lý nguồn vốn, hoạt động của các Quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách khác có cùng đối tượng hỗ trợ tại địa phương.

b) Đồng tiền nhận ủy thác cho vay là đồng Việt Nam (VND).

c) Việc nhận ủy thác của Quỹ HTND tỉnh thực hiện theo quyết định của cấp có thẩm quyền hoặc hợp đồng nhận ủy thác ký kết giữa Quỹ HTND tỉnh với tổ chức, cá nhân ủy thác.

d) Quỹ HTND có trách nhiệm hạch toán, theo dõi riêng vốn nhận ủy thác và tài sản hình thành từ vốn nhận ủy thác (nếu có) với nguồn vốn hoạt động và tài sản của Quỹ HTND. Hoạt động nhận ủy thác của Quỹ HTND phải đảm bảo không ảnh hưởng đến các hoạt động khác theo chức năng, nhiệm vụ của Quỹ HTND.

đ) Đối với phương án vay vốn sử dụng nguồn vốn nhận ủy thác có quy định về lãi suất cho vay khác với quy định tại Nghị định số 37/2023/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ thì thực hiện theo thỏa thuận đã ký kết với bên ủy thác.

e) Ban Điều hành Quỹ HTND tỉnh ban hành quy chế nhận ủy thác quy định cụ thể phạm vi, đối tượng, thẩm quyền, trách nhiệm của từng cấp trong quản lý vốn nhận ủy thác cho vay và các nội dung khác theo quy định tại Nghị định số 37/2023/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ và pháp luật liên quan.

### **11. Hoạt động ủy thác**

a) Quỹ HTND tỉnh được ủy thác cho Quỹ HTND cấp huyện thực hiện một số nhiệm vụ trong quy trình cho vay nhằm tăng cường hiệu quả quản lý vốn vay, tiết kiệm chi phí.

b) Quỹ HTND cấp huyện nhận ủy thác được trả chi phí dịch vụ ủy thác theo mức thỏa thuận tại văn bản ủy thác đã ký giữa các bên.

c) Ban Điều hành Quỹ HTND tỉnh ban hành quy chế ủy thác quy định cụ thể phạm vi, đối tượng, thẩm quyền, trách nhiệm của từng cấp trong quản lý vốn ủy thác

cho vay và các nội dung khác theo quy định tại Nghị định số 37/2023/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ và pháp luật liên quan.

## **VII. CHẾ ĐỘ TÀI CHÍNH, KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN**

1. Quỹ HTND tỉnh Bến Tre thực hiện chế độ tài chính, kế toán, chế độ báo cáo theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Bộ Tài chính.

2. Năm tài chính của Quỹ HTND tỉnh Bến Tre từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12 hằng năm.

3. Báo cáo tài chính năm của Quỹ HTND tỉnh Bến Tre phải được ban kiểm soát xét duyệt; báo cáo Ban Thường vụ xem xét.

## **Phần III TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

### **I. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

1. Trình Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua chủ trương kiện toàn tổ chức bộ máy, hoạt động của Quỹ Hỗ trợ Nông dân; cấp, bổ sung vốn điều lệ từ ngân sách nhà nước.

2. Quyết định việc kiện toàn tổ chức bộ máy, hoạt động của Quỹ HTND theo Nghị định số 37/2023/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ.

3. Bố trí nguồn vốn để cấp, bổ sung vốn điều lệ cho Quỹ HTND tỉnh theo phương án đã được Hội đồng nhân dân thông qua.

4. Quản lý, kiểm tra, giám sát toàn diện tình hình hoạt động và tài chính của Quỹ HTND tỉnh.

### **II. HỘI NÔNG DÂN TỈNH**

1. Trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định kiện toàn tổ chức và hoạt động Quỹ HTND tỉnh theo quy định tại Điều 6, Chương II, Nghị định số 37/2023/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ.

2. Phê duyệt, sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ HTND tỉnh.

3. Thực hiện các chỉ đạo, quyết định của Ban Thường vụ Trung ương Hội Nông dân Việt Nam đối với công tác xây dựng, quản lý Quỹ HTND tỉnh.

4. Phê duyệt kế hoạch hoạt động, kế hoạch tài chính hằng năm của Quỹ HTND tỉnh; phê duyệt báo cáo tài chính, phân phối chênh lệch thu chi, trích lập các quỹ hằng năm của Quỹ HTND tỉnh theo quy định.

5. Báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét bố trí ngân sách nhà nước để cấp vốn điều lệ cho Quỹ HTND tỉnh.

6. Bố trí nhân sự thuộc cơ quan Hội Nông dân tỉnh để thành lập bộ máy hoạt động của Quỹ HTND tỉnh theo quy định tại Nghị định số 37/2023/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ.

7. Tổ chức kiểm tra, giám sát hoạt động Quỹ HTND tỉnh và các huyện, thành phố.

8. Hằng năm, thực hiện đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của người quản lý Quỹ HTND tỉnh và các huyện, thành phố.

9. Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định tại Nghị định số 37/2023/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ. Trong đó chú trọng khoản 1, 2, 3, 4 Điều 53 (Điều khoản chuyển tiếp).

### **III. SỞ TÀI CHÍNH**

Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư và các đơn vị có liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh cân đối, bố trí vốn điều lệ cho Quỹ Hỗ trợ nông dân từ nguồn đầu tư công theo quy định; đồng thời hướng dẫn quản lý, sử dụng kinh phí theo quy định hiện hành.

### **IV. SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ**

Chủ trì, phối hợp với các ngành liên quan tổng hợp tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm để phân bổ cấp vốn điều lệ cho Quỹ HTND tỉnh theo quy định Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách nhà nước trong khả năng cân đối ngân sách tỉnh.

### **V. SỞ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI**

1. Phối hợp với Hội Nông dân tỉnh đẩy mạnh công tác thông tin, tư vấn, hướng nghiệp và tạo điều kiện cho hội viên nông dân chủ động tìm hiểu, chuyển đổi nghề nghiệp hoặc tự tạo việc làm tại chỗ.

2. Phối hợp tuyên truyền, phổ biến nâng cao nhận thức cho hội viên nông dân về giáo dục nghề nghiệp, việc làm - an toàn lao động và tổ chức tập huấn trang bị kiến thức về an toàn, vệ sinh lao động cho hội viên nông dân.

### **VI. NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM CHI NHÁNH BẾN TRE**

Phối hợp với Sở Tài chính và các ngành có liên quan trong việc xây dựng, hoàn thiện khuôn khổ pháp lý về thành lập, tổ chức và hoạt động của Quỹ HTND và tổ chức triển khai thực hiện Nghị định số 37/2023/NĐ-CP của Chính phủ theo quy định của pháp luật./.